

CÔNG TY CỔ PHẦN
DRH HOLDINGS
DRH HOLDINGS JSC.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 100/2022/DRH-CBTT

TP. HCM, ngày 24 tháng 10 năm 2022
Ho Chi Minh City, Oct 24th, 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/ *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS/ *DRH HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY*

- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: DRH

- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 67, Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM/ *67, Ham Nghi Street, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City*

- Điện thoại/ *Telephone*: 028. 3822 3771

- Fax: 028. 3822 3727

- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Trần Hoàng Anh

Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám đốc/ *Deputy General Director*

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure (*)*:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 3 2022/ *Disclosure regarding Consolidated financial statements of Quarter 3 - 2022.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/10/2022 tại đường dẫn: <http://www.drh.vn>



This information was disclosed on Company's Portal on Oct 24th 2022 Available at: <http://www.drh.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/ Attachment:

- Consolidated financial statements Q3.2022
- BCTC Hợp nhất Q3.2022

Đại diện tổ chức 
Organization representative
Người UQ CBTT
Party authorized to disclose information

TRẦN HOÀNG ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2022

Tháng 10 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 -3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	06 - 18

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/22 đến 30/09/22

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/09/2022	Tại 01/01/2022
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.468.551.253.902	1.748.426.880.610
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	110.167.417.358	49.213.659.679
Tiền	111		110.167.417.358	49.213.659.679
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	447.720.575
Chứng khoán kinh doanh	121			447.720.575
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.349.336.309.935	766.828.706.769
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	89.443.416.489	53.664.939.209
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		137.972.263.864	4.232.675.611
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.121.920.629.582	708.931.091.949
Hàng tồn kho	140		980.645.114.915	905.165.215.757
Hàng tồn kho	141	8	980.645.114.915	905.165.215.757
Tài sản ngắn hạn khác	150		28.402.411.694	26.771.577.830
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	1.735.888.414	1.624.349.842
Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.198.006.250	20.678.710.958
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		4.468.517.030	4.468.517.030
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.354.699.388.377	976.124.952.155
Các khoản phải thu dài hạn	210		221.084.824.000	1.869.324.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		219.215.500.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	10	1.869.324.000	1.869.324.000
Tài sản cố định	220		815.870.974	484.582.865
Tài sản cố định hữu hình	221	11	90.590.891	157.938.734
- Nguyên giá	222		1.492.736.317	1.492.736.317
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.402.145.426)	(1.334.797.583)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		584.620.666	-
- Nguyên giá	225		604.780.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(20.159.334)	-
Tài sản cố định vô hình	227	12	140.659.417	326.644.131
- Nguyên giá	228		2.217.956.190	2.217.956.190
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.077.296.773)	(1.891.312.059)
Bất động sản đầu tư	230		91.232.104.389	92.740.641.466
- Nguyên giá	231		94.797.990.060	94.797.990.060
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.565.885.671)	(2.057.348.594)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	844.908.527.161	693.237.123.925
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		844.908.527.161	693.237.123.925
Tài sản dài hạn khác	260	13	196.658.061.853	187.793.279.899
Chi phí trả trước dài hạn	261		185.749.332.771	187.326.141.656
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		10.908.729.082	467.138.243
TỔNG TÀI SẢN	270		3.823.250.642.279	2.724.551.832.765

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/22 đến 30/09/22

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/09/2022	Tại 01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.198.271.741.725	1.865.973.081.703
Nợ ngắn hạn	310		2.194.565.571.235	1.862.266.911.213
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	91.319.860.355	110.309.125.129
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		510.146.653.725	447.061.455.900
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	23.639.766.639	71.759.837.256
Phải trả người lao động	314		952.087.938	2.409.050.168
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	64.123.173.897	59.754.364.746
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	677.485.334.474	713.062.013.810
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	814.037.576.468	442.633.121.950
Quý khen thưởng, phúc lợi	322		12.861.117.739	15.277.942.254
Nợ dài hạn	330		3.706.170.490	3.706.170.490
Phải trả dài hạn khác	337	17	118.800.000	118.800.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.587.370.490	3.587.370.490
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.624.978.900.554	858.578.751.062
Vốn chủ sở hữu	410	19	1.624.978.900.554	858.578.751.062
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.243.538.660.000	609.999.330.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.243.538.660.000	609.999.330.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		120.132.866.000	-
Cổ phiếu ngân quỹ	415		(6.460.000.000)	(6.460.000.000)
Quý đầu tư phát triển	418		19.564.185.852	19.564.185.852
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		237.342.029.721	229.811.851.499
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		227.487.508.092	216.561.736.186
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.854.521.629	13.250.115.313
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.861.158.981	5.663.383.711
TỔNG NGUỒN VỐN	440		3.823.250.642.279	2.724.551.832.765

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2022

Người lập biểu

Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng

Lê Thị Thuần

Tổng Giám đốc



Ngô Đức Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2022

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	9.468.664.682	205.681.818	36.515.769.177	9.044.760.143
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9.468.664.682	205.681.818	36.515.769.177	9.044.760.143
Giá vốn hàng bán	11	21	2.377.315.185	(247.802.328)	6.167.986.182	3.044.861.846
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.091.349.497	453.484.146	30.347.782.995	5.999.898.297
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	8.452.848.966	1.139.159.473	30.970.737.068	2.740.436.537
Chi phí tài chính	22	23	20.895.120.554	8.721.996.039	65.600.918.831	33.489.514.373
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>19.098.632.278</i>	<i>6.543.880.372</i>	<i>59.086.036.820</i>	<i>29.818.798.840</i>
Phản lãi trong công ty liên kết	24		10.145.940.000	10.052.659.863	32.140.822.820	37.830.944.038
Chi phí bán hàng	25		-	7.749.999	-	304.070.650
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	3.650.986.120	1.326.360.017	14.715.069.277	6.518.266.695
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.144.031.789	1.589.197.427	13.143.354.775	6.259.427.154
Thu nhập khác	31	25	8.625.117	260.200	278.850.005	30.279.177
Chi phí khác	32	25	(6.686.792.881)	-	(5.399.766.421)	72.702.370
Lợi nhuận khác	40		6.695.417.998	260.200	5.678.616.426	(42.423.193)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.839.449.787	1.589.457.627	18.821.971.201	6.217.003.961
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.724.867.175	-	8.667.089.470	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	(112.415.170)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.114.582.612	1.589.457.627	10.267.296.901	6.217.003.961
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		4.933.717.447	1.575.142.389	9.854.521.629	6.207.614.892
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		180.865.165	14.315.238	412.775.272	9.389.069
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	40	26	80	102
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	40	26	80	102

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2022

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần



Tổng Giám đốc
 Ngô Đức Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/22 đến 30/09/22

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Quý 3 năm 2022

Chi tiêu	Mã số Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay VND	Năm trước VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	18.821.971.201	6.217.003.961
Khấu hao TSCĐ	02	1.782.028.968	472.005.662
Các khoản dự phòng	03	-	(170.976.295)
Lãi hoạt động đầu tư	05	(13.307.022.029)	(60.894.814)
Chi phí lãi vay	06	59.086.036.820	29.818.798.840
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	66.383.014.960	36.275.937.354
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(638.967.483.604)	(87.708.514.866)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(75.479.899.158)	(22.266.795.537)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(84.394.180.925)	18.937.570.434
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.465.270.313	2.156.652.130
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	447.720.575	(743.920.003)
Tiền lãi vay đã trả	14	(30.671.203.017)	(1.377.730.065)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.416.824.515)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(763.633.585.371)	(54.726.800.553)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(130.500.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(185.500.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(120.250.580.416)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	161.272.948	60.894.814
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(305.589.307.468)	(69.605.186)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	753.672.196.000	-
Tiền thu từ cổ đông không kiểm soát góp vốn		5.100.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	1.130.256.370.385	243.149.327.097
Tiền trả nợ gốc vay	34	(758.851.915.867)	(220.215.875.016)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.130.176.650.518	22.933.452.081
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	60.953.757.679	(31.862.953.658)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	49.213.659.679	53.098.252.929
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	110.167.417.358	21.235.299.271

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2022

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuận



Ngô Đức Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/22 đến 30/09/22

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần DRH Holdings, trước đây là Công ty cổ phần Đầu tư Căn nhà Mơ Ước (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh (GCNĐKKD) số 4103004401 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/03/2006, sau đó điều chỉnh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN) số 0304266964 cấp ngày 6/3/2006 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.243.538.660.000 đồng.

Trụ sở giao dịch: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM

Ngày 13 tháng 07 năm 2010, Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu DRH.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là đầu tư tài chính, kinh doanh và môi giới bất động sản.

1.2 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có 03 công ty con trực tiếp và 01 công ty con gián tiếp, 01 công ty liên kết.

1.3 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính Hợp nhất tại ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") của Bộ Tài chính, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho quý 3 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với các công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/22 đến 30/09/22

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

5.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu

của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

5.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/22 đến 30/09/22

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

5.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình và vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình và vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Thiết bị quản lý	2 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/22 đến 30/09/22

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

5.6 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí đất, chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

5.7 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP KHÁC

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

5.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5.9 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

5.10 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/09/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Tiền	110.167.417.358	49.213.659.679
Tổng cộng	110.167.417.358	49.213.659.679

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/22 đến 30/09/22

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Cty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Tổng cộng (VND)
Giá trị đầu tư :		
Tại 01/01/2022	380.529.474.422	380.529.474.422
Tăng trong kỳ	119.530.580.416	119.530.580.416
Tại 30/09/2022	500.060.054.838	500.060.054.838
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết		
Tại 01/01/2022	312.707.649.503	312.707.649.503
Phần lợi nhuận công ty liên kết trong kỳ	32.140.822.820	32.140.822.820
Tại 30/09/2022	344.848.472.323	344.848.472.323
Giá trị còn lại :		
Tại 01/01/2022	693.237.123.925	693.237.123.925
Tại 30/09/2022	844.908.527.161	844.908.527.161

8. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/09/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Bất động sản dở dang	980.645.114.915	905.165.215.757
Tổng cộng	980.645.114.915	905.165.215.757

9. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 30/09/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	89.443.416.489	53.664.939.209
Tổng cộng	89.443.416.489	53.664.939.209

10. PHẢI THU KHÁC

	Tại 30/09/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Ngắn hạn	1.121.920.629.582	708.931.091.949
Dài hạn	1.869.324.000	1.869.324.000
Tổng cộng	1.123.789.953.582	710.800.415.949

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/22 đến 30/09/22

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại 01/01/2022	103.832.610	-	1.388.903.707	1.492.736.317
Tại 30/09/2022	103.832.610	-	1.388.903.707	1.492.736.317
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2022	103.832.610		1.230.964.973	1.334.797.583
Khấu hao trong kỳ	-	-	67.347.843	67.347.843
Tại 30/09/2022	103.832.610	-	1.298.312.816	1.402.145.426
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2022	-	-	157.938.734	157.938.734
Tại 30/09/2022	-	-	90.590.891	90.590.891

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Tại 01/01/2022	2.217.956.190
Tại 30/09/2022	2.217.956.190
Hao mòn lũy kế	
Tại 01/01/2022	1.891.312.059
Khấu hao trong kỳ	185.984.714
Tại 30/09/2022	2.077.296.773
Giá trị còn lại	
Tại 01/01/2022	326.644.131
Tại 30/09/2022	140.659.417

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/09/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Ngắn hạn	1.735.888.414	1.624.349.842
Dài hạn	185.749.332.771	187.326.141.656
Tổng cộng	187.485.221.185	188.950.491.498

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/22 đến 30/09/22

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/09/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Phải trả người bán	91.319.860.355	110.309.125.129
Tổng cộng	91.319.860.355	110.309.125.129

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại 30/09/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	37.609.965.208	2.482.908.790	36.538.285.039	3.554.588.959
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.897.153.476	8.706.737.785	6.152.207.331	16.451.683.930
Thuế thu nhập cá nhân	1.607.932.452	936.666.192	1.805.677.541	738.921.103
Các khoản phải nộp khác	18.644.786.120	(6.735.900.859)	9.014.312.614	2.894.572.647
Tổng cộng	71.759.837.256	5.390.411.908	53.510.482.525	23.639.766.639

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 30/09/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Lãi vay	8.241.369.863	3.632.560.712
Trích trước lãi chậm bàn giao	55.651.804.034	55.651.804.034
Khác	230.000.000	470.000.000
Tổng cộng	64.123.173.897	59.754.364.746

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 30/09/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	677.485.334.474	713.062.013.810
Dài hạn	118.800.000	118.800.000
Tổng cộng	677.604.134.474	713.180.813.810

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Tại 30/09/2022	Tăng	Giảm	Tại 01/01/2022
	VND			VND
Vay ngắn hạn	814.037.576.468	1.130.256.370.385	758.851.915.867	442.633.121.950
Vay dài hạn	-	387.150.000.000	387.150.000.000	-
Tổng cộng	814.037.576.468	1.517.406.370.385	1.146.001.915.867	442.633.121.950

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/22 đến 30/09/22

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU
BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2022	609.999.330.000	(6.460.000.000)	-	19.564.185.852	229.811.851.499	5.663.383.711	858.578.751.062
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	9.854.521.629	412.775.272	10.267.296.901
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.324.343.408)	-	(1.324.343.408)
Chi phí hoạt động HĐQT	-	-	-	-	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)
Phát hành cổ phiếu	633.539.330.000		120.132.866.000	-	-	5.100.000.000	758.772.196.000
Cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(315.000.001)	(315.000.001)
Tại 30/09/2022	1.243.538.660.000	(6.460.000.000)	120.132.866.000	19.564.185.852	237.342.029.720	10.861.158.982	1.624.978.900.554

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Tại 01/07/2022- 30/09/2022	Tại 01/07/2021- 30/09/2021
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.468.664.682	205.681.818
Tổng cộng	9.468.664.682	205.681.818

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Tại 01/07/2022- 30/09/2022	Tại 01/07/2021- 30/09/2021
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.377.315.185	(247.802.328)
Tổng cộng	2.377.315.185	(247.802.328)

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Tại 01/07/2022- 30/09/2022	Tại 01/07/2021- 30/09/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	81.322.076	19.506.917
Lãi đầu tư chứng khoán	1.806.045.435	1.074.090.056
Cổ tức lợi nhuận được chia	64.200.000	45.562.500
Lãi cho vay	6.501.281.455	-
Tổng cộng	8.452.848.966	1.139.159.473

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Tại 01/07/2022- 30/09/2022	Tại 01/07/2021- 30/09/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.098.632.278	6.543.880.372
Khác	1.796.488.276	2.178.115.667
Tổng cộng	20.895.120.554	8.721.996.039

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/22 đến 30/09/22

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Tại 01/07/2022- 30/09/2022	Tại 01/07/2021- 30/09/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.066.361.494	567.211.373
Chi phí khấu hao và hao mòn	253.332.557	121.649.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.588.075.567	368.015.590
Chi phí khác	743.216.502	269.483.462
Tổng cộng	3.650.986.120	1.326.360.017

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Tại 01/07/2022- 30/09/2022	Tại 01/07/2021- 30/09/2021
	VND	VND
Thu nhập khác	8.625.117	260.200
Chi phí khác	(6.686.792.881)	-
Lợi nhuận khác	6.695.417.998	260.200

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Tại 01/07/2022- 30/09/2022	Tại 01/07/2021- 30/09/2021
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.933.717.447	1.575.142.389
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	123.707.866	60.353.933
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	40	26
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	40	26

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/22 đến 30/09/22

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**27. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Từ 01/07/21-30/09/21	Doanh thu cung	Doanh thu bán	Doanh thu bán	Cộng
	cấp dịch vụ	bất động sản	hàng	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bộ phận	205.681.818	-	-	205.681.818
Chi phí bộ phận	247.802.328	-	-	247.802.328
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	453.484.146	-	-	453.484.146
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(1.334.110.016)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(880.625.870)
Doanh thu tài chính				1.139.159.473
Phần lãi trong công ty liên kết				10.052.659.863
Chi phí tài chính				(8.721.996.039)
Thu nhập khác				260.200
Chi phí khác				-
Lợi nhuận trước thuế				1.589.457.627
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				1.589.457.627
Tổng tài sản				2.577.657.984.967
Tổng nợ phải trả				1.726.101.914.022

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/22 đến 30/09/22

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ 01/07/22-30/09/22	Doanh thu cung cấp dịch vụ VND	Doanh thu bán bất động sản VND	Doanh thu bán hàng VND	Cộng VND
Doanh thu thuần bộ phận	9.468.664.682	-	-	9.468.664.682
Chi phí bộ phận	(2.377.315.185)	-	-	(2.377.315.185)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.091.349.497	-	-	7.091.349.497
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(3.650.986.120)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				3.440.363.377
Doanh thu tài chính				8.452.848.966
Phần lãi trong công ty liên kết				10.145.940.000
Chi phí tài chính				(20.895.120.554)
Thu nhập khác				8.625.117
Chi phí khác				6.686.792.881
Lợi nhuận trước thuế				7.839.449.787
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(2.724.867.175)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				5.114.582.612
Tổng tài sản				3.823.250.642.279
Tổng nợ phải trả				2.198.271.741.725

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/22 đến 30/09/22

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

	Tại 30/09/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	110.167.417.358	49.213.659.679
Đầu tư ngắn hạn	-	447.720.575
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.048.494.633.935	495.768.030.769
Tổng cộng	1.158.662.051.293	545.429.411.023
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	814.037.576.468	442.633.121.950
Phải trả người bán và phải trả khác	1.280.022.736.492	1.272.960.445.007
Chi phí phải trả	64.123.173.897	59.754.364.746
Tổng cộng	2.158.183.486.857	1.775.347.931.703

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 30/09/2022			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.279.903.936.492	118.800.000	1.280.022.736.492
Chi phí phải trả	64.123.173.897	-	64.123.173.897
Vay và nợ thuê tài chính	814.037.576.468	-	814.037.576.468
Cộng	2.158.064.686.857	118.800.000	2.158.183.486.857
Tại 01/01/2022			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.272.841.645.007	118.800.000	1.272.960.445.007
Chi phí phải trả	59.754.364.746	-	59.754.364.746
Vay và nợ thuê tài chính	442.633.121.950	-	442.633.121.950
Cộng	1.775.229.131.703	118.800.000	1.775.347.931.703

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/22 đến 30/09/22

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 30/09/2022			
Tiền và các khoản tương đương tiền	110.167.417.358	-	110.167.417.358
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.046.625.309.935	1.869.324.000	1.048.494.633.935
Cộng	1.156.792.727.293	1.869.324.000	1.158.662.051.293
Tại 01/01/2022			
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.213.659.679	-	49.213.659.679
Đầu tư ngắn hạn	447.720.575	-	447.720.575
Phải thu khách hàng và phải thu khác	493.898.706.769	1.869.324.000	495.768.030.769
Cộng	543.560.087.023	1.869.324.000	545.429.411.023

29 CÁC THÔNG TIN KHÁC
29.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

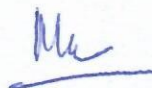
Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

29.2 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2022

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần

Tổng Giám Đốc



Ngô Đức Sơn